

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Ngô Lê Tuấn Kiệt

2/ Ông Võ Văn Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền: Bà Nguyễn Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà **Giang Huệ P**, sinh năm 1985. Địa chỉ: x đường L1, phường x, quận y, Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

2/ *Bị đơn:* Ông **Trình Phước L**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp N, xã N1, huyện P, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Giang Huệ P ngày 27-9-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trịnh Phước L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ vào ngày 06 tháng 12 năm 2008.

Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Phước L.

Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trịnh Minh T (nam), sinh ngày 12/02/2009. Cháu T hiện đang sống với ông L, khi ly hôn thì bà giao con cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Trịnh Phước L vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản ý kiến nào cung cấp cho Tòa án.

Tại bản khai của cháu Trịnh Minh T có ý kiến: Trường hợp, cha mẹ cháu không sống chung với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng sống với cha.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Giang Huệ P được ly hôn với ông Trịnh Phước L. Về con chung, giao cháu Trịnh Minh T cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con khi nào ông T có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có nên sau này có tranh chấp tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Giang Huệ P có đơn khởi kiện đối với ông Trịnh Phước L về việc yêu cầu ly hôn. Bà P và ông L có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn”. Ông L có nơi cư trú tại ấp N, xã N1, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trịnh Phước L nhưng ông luôn vắng mặt không có ý kiến. Sau khi Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Bà Giang Huệ P và ông Trịnh Phước L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 188/KH/2008, quyển số 0I ngày 06-12-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau có thời gian dài hạnh phúc và có 01 con chung. Tuy nhiên, khi mâu thuẫn xảy ra ông bà không tìm cách tháo gỡ cho hài hòa mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, thậm chí ly thân từ năm 2020 và từ đó đến nay ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông L luôn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thực hiện được phiên hòa giải đoàn tụ. Mặt khác, ông L cũng không có cung cấp ý kiến nào để phản bác yêu cầu đối với nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Dân sự quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình “*Quyền kết hôn, ly hôn...*”. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P, cho bà ly hôn với ông L là phù hợp.

[4] *Về con chung:* Ông bà chung sống có 01 con chung tên Trịnh Minh T (nam), sinh ngày 12/02/2009. Cháu T hiện đang sống với ông L. Cháu T có ý kiến nguyện vọng sống với cha và bà P cũng đồng ý nên tiếp tục giao cháu T cho ông L nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp văn bản ý kiến nào nên không xét. Khi nào ông L có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà P xác định không có. Tuy nhiên, ông L vắng mặt chưa làm rõ được. Trường hợp, sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà P phải chịu 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] *Về quyền kháng cáo của các đương sự*: được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Giang Huệ P được ly hôn với ông Trịnh Phước L.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Minh T (nam), sinh ngày 12-02-2009 cho ông L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L vắng mặt và không có văn bản yêu cầu nên không xét.

Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho bà P theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con sau này khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

2/ Về Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007597 ngày 01-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Bà P đã nộp xong án phí.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với bị đơn, các đương sự được quyền kháng cáo.

4/ Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- UBND xã Nhơn Ái (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lê Văn Lo